

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hiệp.
- Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Hồ Thanh H**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số I đường S, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Danh Kim N**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/6/2023 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 25/7/2023 của nguyên đơn **Hồ Thanh H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007 ông **Hồ Thanh H** với bà **Danh Kim N** quen biết và chung sống như vợ chồng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng thay đổi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên hai người đã không còn sống chung từ tháng 01 năm 2023 đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Danh Hồ Thanh T1 sinh ngày 30/5/2008.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Danh Kim N.
- Về con chung: Ông Hồ Thanh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Danh Hồ Thanh H1 sinh ngày 30/5/2008, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Ông Hồ Thanh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông Hồ Thanh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Danh Kim N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại Tờ nguyên vọng ngày 14/7/2023, cháu D Hồ Thanh H1 trình bày khi cha mẹ không còn sống chung thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha là ông Hồ Thanh H, không yêu cầu mẹ là bà Danh Kim N cấp dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải, bị đơn đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng vắng mặt,. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn bà Danh Kim N. Về con chung tiếp tục giao cháu D Hồ Thanh H1 sinh ngày 30/5/2008 cho ông Hồ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Danh Kim N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Hồ Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Danh Kim N đã được triệu tập hợp lệ theo đúng trình tự tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Thanh H và bà Danh Kim N tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng thay đổi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập bị đơn đến tham gia phiên hòa giải nhưng bị đơn không đến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ bị đơn không có thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của ông Hồ Thanh H và bà Danh Kim N đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2023 đến nay, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Thanh H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của ông Hồ Thanh H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D Hồ Thanh H1 sinh ngày 30/5/2008 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Danh Kim N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại cháu D Hồ Thanh H1 đang sống chung với ông Hồ Thanh H, đồng thời cháu Danh Hồ Thanh H1 có nguyện vọng được ở với ông Hồ Thanh H, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao cháu D Hồ Thanh H1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà Đ không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Hồ Thanh H trình bày trong thời gian chung sống không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Thanh H được ly hôn với bà Danh Kim N.
2. Về con chung: Giao cháu D Hồ Thanh H1 sinh ngày 30/5/2008 cho ông Hồ Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Bà Danh Kim N không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Danh Kim N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009438 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông Hồ Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 40 phút, ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim M;

2. Bà Lâm Thị T2.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2019/TLST – HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ú**, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Phạm Thanh D1**, sinh năm 1989 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Văn T3**, sinh năm 1967 (Có mặt);

Địa chỉ: Số A ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Lê Thị T4**, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. **Ngân hàng TMCP N2**

Địa chỉ: Số C đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ú được ly hôn cùng ông Phạm Thanh D1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Tấn L1, sinh ngày 14/12/2013 cho bà Lê Thị Ú nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Phạm Thanh D1 có quyền thăm nom chăm sóc không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Ông Phạm Thanh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con tên Phạm Tấn L1, sinh ngày 14/12/2013 mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu tương đương 745.000 đồng đến khi cháu Phạm Tấn L1 đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng: Từ ngày 29/11/2019.

4. Về tài sản chung: Số tiền 215.000.000 và lãi 6.991.704 đồng là tài sản chung của vợ chồng được chia đôi mỗi người là 110.995.852 đồng.

Buộc ông Phạm Thanh D1 có trách nhiệm giao lại cho bà Lê Thị Ú số tiền 110.995.852 đồng (Một trăm mười triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai đồng).

Địa điểm giao nhận cấp dưỡng và tiền chia tài sản Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Ú phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 5.549.792 đồng án phí chia tài sản, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 4.675.000 đồng theo biên lai thu số 0008961 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Lê Thị Ú phải nộp thêm số tiền là 1.174.792 đồng, ông Phạm Thanh D1 phải chịu án phí chia tài sản chung 5.549.792 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Lê Thị Ú có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Phạm Thanh D1 không giao số tiền nêu trên cho bà Lê Thị Ú thì còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị N1

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị N1

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiệm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 50 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2017.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị N1**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị T2**;

2. Ông **Bùi Anh Đ1**.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2017/TLST – HNGĐ ngày 01/8/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1984(có mặt).

Địa chỉ: Số A ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Lê Hoàng L2, sinh năm 1979(vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Con trên 7 tuổi:

1/ Cháu Lê Thị Ngọc T6, sinh ngày 16/9/2002 (vắng mặt).

2/ Cháu Lê Hoàng T7, sinh ngày 19/01/2006 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A ấp B, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản

5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T5 được ly hôn với ông Lê Hoàng L2.
2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T5 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Lê Thị Ngọc T6, sinh ngày 16/9/2002 và Lê Hoàng T7, sinh ngày 19/01/2006 đến trưởng thành(theo nguyện vọng của các cháu Lê Thị Ngọc T6 và Lê Hoàng T7); ông Lê Hoàng L2 được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Hoàng L2 không phải cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T5 phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005380 ngày 26.7.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà T5 đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 20 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị N1

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhiệm

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhiệm